TỈNH LẠNG SƠN

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ TRI PHƯƠNG, HUYỆN TRÀNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN GIAI ĐOẠN 2021-2030

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG, HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT

TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH (QĐ 3196/QĐ-UBND NGÀY 29/12/2023)

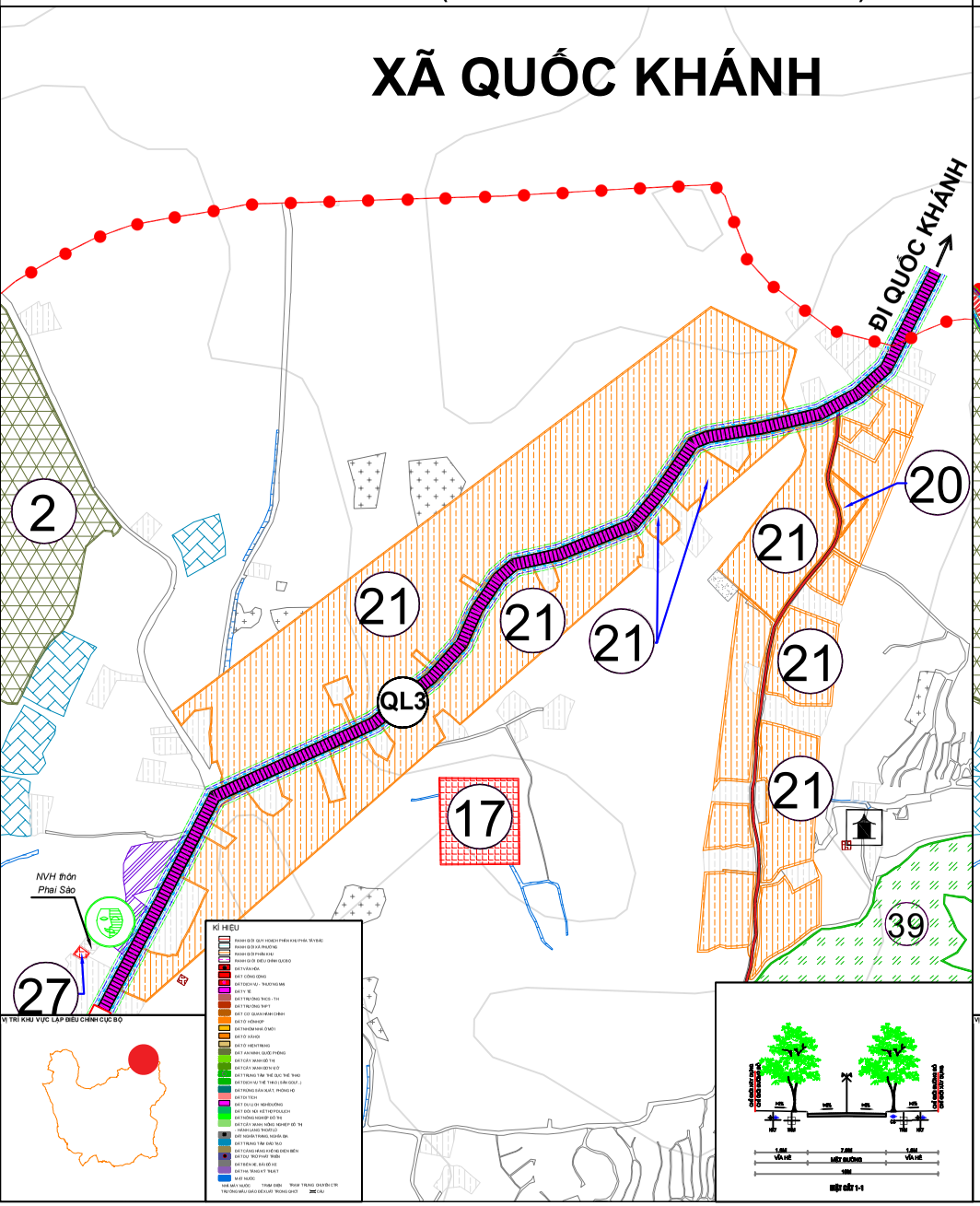

SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

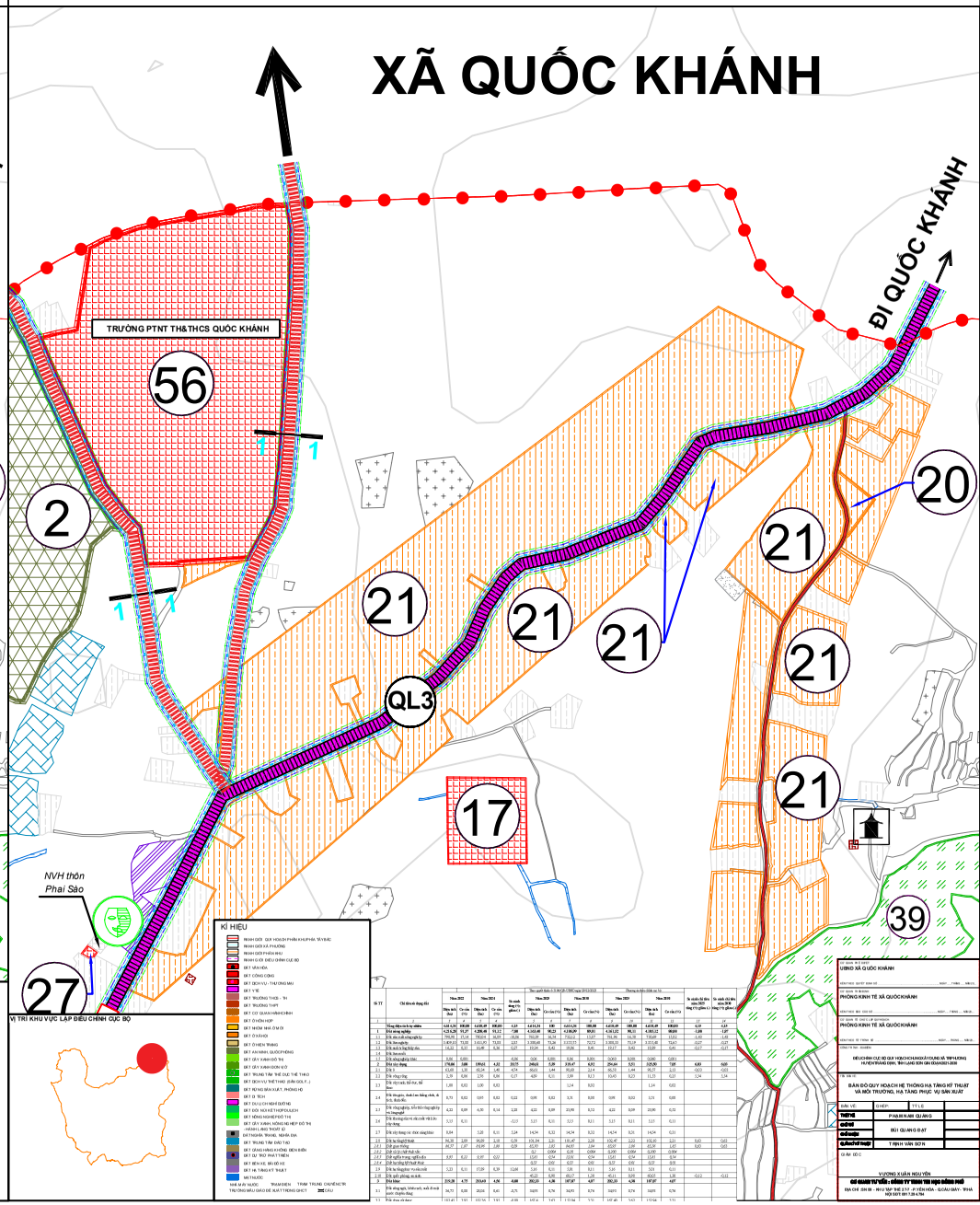

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Năm 2022		Năm 2024		Tăng giảm (+/-) giai đoạn	Năm 2030		Năm 2035		Năm 2040		Tăng giảm (+/-) giai đoạn	Tăng giảm (+/-) giai đoạn
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)		
	Tổng diện tích tự nhiên	1.611,31	100,00	1.611,31	100,00	0,00	1.611,31	100	1.611,31	100,00	1.611,31	100,00	0,00	0,00
1	Đất nông nghiệp	1.171,42	72,67	1.205,48	74,81	34,06	1.155,48	71,7	1.130,29	70,13	1.130,12	70,12	-25,36	-0,01
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	795,98	49,38	795,98	49,38	0,00	795,98	49,38	795,98	49,38	795,98	49,38	0,00	0,00
1.2	Đất lâm nghiệp	1.149,41	71,32	1.141,95	70,85	-6,71	1.139,48	70,69	1.137,71	70,58	1.139,48	70,69	-2,47	0,11
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	14,22	0,88	15,49	0,96	0,27	15,24	0,95	15,24	0,95	15,24	0,95	-0,25	0,00
1.4	Đất nông nghiệp khác													
1.5	Đất chưa giao, cho thuê	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2	Đất xây dựng	178,88	11,10	190,61	11,82	20,73	240,61	15,19	310,47	19,26	316,47	19,63	75,86	6,03
2.1	Đất ở	45,60	2,83	45,24	2,81	-0,36	45,60	2,83	46,32	2,87	46,32	2,87	0,72	0,00
2.2	Đất cơ quan	2,39	0,15	2,39	0,15	0,00	2,39	0,15	3,39	0,21	3,39	0,21	1,00	0,06
2.3	Đất cơ sở dịch vụ, thương mại, dịch vụ	1,35	0,08	1,35	0,08	0,00	1,35	0,08	3,35	0,21	3,35	0,21	2,00	0,12
2.4	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	8,70	0,54	8,70	0,54	0,00	8,70	0,54	8,70	0,54	8,70	0,54	0,00	0,00
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	4,21	0,26	4,21	0,26	0,00	4,21	0,26	23,98	1,49	23,98	1,49	19,77	1,23
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.7	Đất hoạt động khoáng sản													
2.8	Đất sản xuất, kinh doanh khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.9	Đất cơ sở văn hóa	0,50	0,03	0,50	0,03	0,00	0,50	0,03	0,50	0,03	0,50	0,03	0,00	0,00
2.10	Đất cơ sở y tế	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.11	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	5,21	0,32	5,21	0,32	0,00	5,21	0,32	5,21	0,32	5,21	0,32	0,00	0,00
2.12	Đất cơ sở thể dục - thể thao	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.13	Đất sinh hoạt cộng đồng	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.14	Đất chợ	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.15	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.16	Đất tôn giáo	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.17	Đất tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.18	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.19	Đất cơ sở tôn giáo	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.20	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.21	Đất nhà tang lễ, nhà hỏa táng	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.22	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.23	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.24	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.25	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.26	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.27	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.28	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.29	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.30	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.31	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.32	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.33	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.34	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.35	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.36	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.37	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.38	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.39	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.40	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.41	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.42	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.43	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.44	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.45	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.46	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.47	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.48	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.49	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.50	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.51	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.52	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.53	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.54	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.55	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.56	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.57	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.58	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.59	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.60	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.61	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.62	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.63	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.64	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.65	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.66	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.67	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.68	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.69	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.70	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.71	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.72	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.73	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.74	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.75	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.76	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.77	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.78	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.79	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.80	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.81	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.82	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.83	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.84	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.85	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.86	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.87	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.88	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.89	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.90	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.91	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.92	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.93	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.94	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.95	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.96	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.97	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.98	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.99	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.100	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.101	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.102	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.103	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.104	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.105	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.106	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.107	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.108	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.109	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.110	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.111	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.112	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.113	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.114	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.115	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.116	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.117	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.118	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.119	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.120	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.121	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.122	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.123	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.124	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.125	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.126	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.127	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.128	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.129	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.130	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.131	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.132	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.133	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
2.134	Đất cơ sở tôn tạo, tâm linh, ngưỡng vọng khác	0,00	0,00			0,00	0,00	0,00	0